

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **80/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-12-2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Thu.

Bà Lê Hải Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Trần Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Huỳnh Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 383/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Tuyết L, sinh năm 1986.

2. *Bị đơn:* Anh Vương Thanh H, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, bản tự khai cũng như tại phiên tòa, chị Phạm Thị Tuyết L trình bày:

Chị và anh Vương Thanh H tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào năm 2011. Thời gian đầu vợ chồng sống chung có hạnh phúc, đến đầu năm 2016 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh H không lo làm ăn, không quan tâm đến đời sống gia đình, nhưng vì con còn quá nhỏ nên chị cố gắng chịu đựng và hy vọng anh H sẽ thay đổi. Chị cũng đã nhiều lần trao đổi với anh H, mong muốn hai bên cùng nhau cải thiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không mang lại kết quả. Chị và anh H đã sống ly

thân từ tháng 4/2021. Hiện tại chị L khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với anh H nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H.

- *Về con chung*: có 01 con chung tên Vương Khánh N, sinh ngày 21/6/2013 hiện đang sống chung với chị L, sau khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có.

Tại bản tự khai ngày 26 tháng 10 năm 2021 anh Vương Thanh H có lời trình bày: Anh và chị L kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/8/2011. Trong quá trình sống chung thời gian đầu có hạnh phúc và có một con chung, khoảng tháng 6/2021 vợ chồng sống ly thân do bất đồng quan điểm sống. Anh H xác định không còn tình cảm với Phạm Thị Tuyết L và có yêu cầu giải quyết được ly hôn với Phạm Thị Tuyết L. Tài sản chung, nợ chung: không có. Ngày 25/11/2021 anh H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm như sau:

- *Về tố tụng*: Người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng quy định pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Tuyết L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Tuyết đối với anh Vương Thanh H thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Vương Thanh H cư trú tại số 494- ấp T, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh Vương Thanh H có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt anh Hùng là phù hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Tuyết L và anh Vương Thanh H đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị L cho rằng từ đầu năm 2016 vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn kéo dài nhiều năm liền. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh H ham chơi, không lo làm ăn, không quan tâm đến đời sống gia đình, không quan tâm đến vợ con. Chị cũng đã nhiều lần trao đổi với anh H nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không mang lại kết quả nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2021. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn và xin được ly hôn với anh H.

Hội đồng xét xử thấy rằng thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H đã phát sinh, anh chị sống ly thân từ tháng 4/2021. Tại bản tự khai anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L không còn, anh cũng có yêu cầu được ly hôn với chị L. Điều đó khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị L đã không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung là cháu Vương Khánh N, sinh ngày 21/6/2013 hiện đang sống chung với chị L, chị L có yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy để tránh làm xáo trộn cuộc sống cũng như sinh hoạt của con, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên cần giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N muốn sống chung với mẹ. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên được ghi nhận. Anh H người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: anh chị cùng khai không có nên không xét đến.

[2.4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị L có nghĩa vụ chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Tuyết L được ly hôn với anh Vương Thanh H.

[2] Về con chung: chị L được quyền nuôi con là Vương Khánh N, sinh ngày 21/6/2013. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi.

Anh H được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị L có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000958 ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị L đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã A, Châu Thành, BT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trương Thị Tiến